

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397, điểm b Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 1882/2023/TLST-VHNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm 1982.

Hộ khẩu thường trú: khu phố T, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: tổ S, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông **Đình Quang H1**, sinh năm 1976.

Hộ khẩu thường trú: khu phố N, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: tổ S, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, ông Đình Quang H1 và bà Nguyễn Thị Thanh H nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Hồ sơ được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tiếp nhận giải quyết. Quá trình vận động hòa giải, ông Đình Quang H1 và bà Nguyễn Thị Thanh H thống nhất không hòa giải đoàn tụ. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản ghi nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung vào ngày 11 tháng 8 năm 2023. Ông Đình Quang H1 có hộ khẩu thường trú tại phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và bà Nguyễn Thị Thanh H có hộ khẩu thường trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Hiện nay ông H1 và bà H đang cùng cư trú tại

phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Ông H1, bà H đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định. Do đó, đơn yêu cầu của ông Đinh Quang H1 và bà Nguyễn Thị Thanh H được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

## **[2] Về nội dung đơn yêu cầu:**

Ông Đinh Quang H1 và bà Nguyễn Thị Thanh H kết hôn vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và được Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 293, Quyền số 01/2014, ngày 18/8/2014. Ông Đinh Quang H1 và bà Nguyễn Thị Thanh H có 03 con chung tên Đinh Nhật N, sinh ngày 26/7/2015, Đinh Hoàng N1, sinh ngày 30/3/2018 và Đinh Quỳnh C, sinh ngày 30/11/2019. Ông Đinh Quang H1 và bà Nguyễn Thị Thanh H xác định tài sản chung tự thỏa thuận và không có nợ chung.

Trong quá trình chung sống, ông bà thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông H1 và bà H xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận về nuôi con chung.

Xét thấy ông H1 và bà H thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con; sự thỏa thuận của ông H1 và bà H đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ con. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của ông H1 và bà H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Đinh Quang H1 và bà Nguyễn Thị Thanh H.

- Về con chung: Ông Đinh Quang H1 và bà Nguyễn Thị Thanh H có 03 con chung gồm: cháu Đinh Nhật N, sinh ngày 26/7/2015, cháu Đinh Hoàng N1, sinh ngày 30/3/2018 và cháu Đinh Quỳnh C, sinh ngày 30/11/2019. Ly hôn, ông H1, bà H thỏa thuận giao 03 cháu Nhật N, Hoàng N1 và Quỳnh C cho bà H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Các đương sự thỏa thuận ông H1 cấp dưỡng nuôi con chung 2.200.000 đồng/tháng/01 cháu (*Hai triệu hai trăm nghìn đồng/tháng/01 cháu*) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt thực hiện theo Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ông Đinh Quang H1 không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin

thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung: Ông Đinh Quang H1 và bà Nguyễn Thị Thanh H khai tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Đinh Quang H1 và bà Nguyễn Thị Thanh H khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Đinh Quang H1 và bà Nguyễn Thị Thanh H mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0008615 ngày 04/8/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, ông H1 và bà H đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Phú**